

Số: /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp Giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 222/CV-BQLDA ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực thành phố Tân Uyên và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 3561/TTr-CCBVMT ngày 25 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực thành phố Tân Uyên, địa chỉ trụ sở chính tại phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Trường Tiểu học Tân Vĩnh Hiệp B tại phường Tân Vĩnh Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Dự án Trường Tiểu học Tân Vĩnh Hiệp B.

1.2. Địa điểm hoạt động: phường Tân Vĩnh Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh

Bình Dương.

1.3. Quyết định số 3048/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Trường Tiểu học Tân Vĩnh Hiệp B.

1.4. Mã số thuế: 3701503550.

1.5. Quyết định số 6366/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thị xã (*nay là thành phố*) Tân Uyên về việc thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực thị xã (*nay là thành phố*) Tân Uyên.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Công trình giáo dục.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

1.7.1. Phạm vi:

- Tổng diện tích đất dự án: 9.425m², trong đó: diện tích đất sử dụng 8.901m²; diện tích đất hành lang an toàn đường bộ 524m².

+ Đất xây dựng các hạng mục công trình chính: Khối chính gồm 32 phòng học diện tích 2.061,59m², khối nhà đa năng diện tích 1.074,65m², phòng tin học hiện hữu diện tích 84m², khu nhà vệ sinh hiện hữu diện tích 35m².

+ Đất xây dựng công trình phụ trợ - hạ tầng kỹ thuật: Nhà bảo vệ diện tích 16m², nhà che máy bơm diện tích 29,25m², nhà điều hành công trình xử lý nước thải diện tích 7m², đất cây xanh, sân chơi, bãi tập diện tích 3.582,91m², đất giao thông nội bộ diện tích 2.062,85m².

+ Hệ thống hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc, phòng cháy chữa cháy, chống sét; hệ thống thu gom, thoát nước; công trình xử lý nước thải công suất 60m³/ngày; công trình xử lý khí thải (*mùi hôi*) từ công trình xử lý nước thải; kho chứa chất thải rắn diện tích 8,3m²; kho chứa chất thải nguy hại diện tích 5,9m².

1.7.2. Quy mô, công suất:

- Dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công*).

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (*theo Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án số 3048/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh*).

- Dự án đi vào hoạt động đáp ứng nhu cầu cho khoảng 1.050 học sinh và 81 giáo viên, cán bộ, công nhân viên.

1.8. Đơn vị thụ hưởng: Trường Tiểu học Tân Vĩnh Hiệp B.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm

theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực thành phố Tân Uyên và Trường Tiểu học Tân Vĩnh Hiệp B:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực thành phố Tân Uyên và Trường Tiểu học Tân Vĩnh Hiệp B có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình, giải pháp bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình thu gom, đấu nối nước thải, bảo đảm nước thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực thành phố Tân Uyên có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này, các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và bàn giao lại cho Trường Tiểu học Tân Vĩnh Hiệp B. Trường Tiểu học Tân Vĩnh Hiệp B có trách nhiệm tiếp tục quản lý và thực hiện đầy đủ các công tác bảo vệ môi trường theo đúng giấy phép môi trường đã được cấp phép.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**

(Từ ngày tháng ... năm 2024 đến ngày ... tháng ... năm 2034)

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án Trường Tiểu học Tân Vĩnh Hiệp B theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực TP. Tân Uyên;
- Trường Tiểu học Tân Vĩnh Hiệp B;
- Sở Xây dựng;
- UBND TP. Tân Uyên;
- UBND phường Tân Vĩnh Hiệp;
- Cổng Thông tin điện tử của STNMT;
- Thanh tra Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, H.Giang.

GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Sự

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT-STNMT ngày ... tháng... năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh của Khu nhà bảo vệ với lưu lượng khoảng 0,4 m³/ngày.
- Nguồn số 2: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh của Khu văn phòng với lưu lượng khoảng 1,5 m³/ngày.
- Nguồn số 3: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh của Khu phòng học 1, 2, 3 và phòng Tin học với lưu lượng khoảng 2,4 m³/ngày.
- Nguồn số 4: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh của Khu vực khối lớp học chính với lưu lượng khoảng 18,6 m³/ngày.
- Nguồn số 5: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh của Khu vực nhà đa năng với lưu lượng khoảng 2 m³/ngày.
- Nguồn số 6: Nước thải phát sinh từ bếp ăn và căn tin với lưu lượng khoảng 31,1 m³/ngày.
- Nguồn số 7: Nước thải từ phòng giặt với lưu lượng khoảng 2,4 m³/ngày.
- Nguồn số 8: Nước thải vệ sinh nhà chứa rác với lưu lượng khoảng 0,1 m³/ngày.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Chợ, phường Tân Vĩnh Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương sau đó đổ vào Suối Cái và thoát ra sông Đồng Nai.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Hồ ga (kích thước 1.600 mm x 1.600 mm) trên đường ĐH404, sau đó đầu nối vào tuyến cống BTCT D600mm trên đường ĐH404 thoát ra suối Chợ (đã được Ủy ban nhân dân thành phố Tân Uyên chấp thuận đầu nối tại Công văn số 1142/UBND-KTTH ngày 18 tháng 3 năm 2024).

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1.217.683, Y = 605.114 (theo hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 60 m³/ngày.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau khi xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt – QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1,2 sẽ tự chảy theo đường ống HDPE D200mm, dài khoảng 32m => Hồ ga (kích thước 1.600mm x 1.600mm) trên đường ĐH404 => Hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường ĐH404 (cống BTCT D600mm), chiều dài khoảng 1km => Suối Chợ.

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24/24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/L	36		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	60		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	600		
5	Sulfua (H ₂ S)	mg/L	1,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	6		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	36		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	12		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	6		

10	Photphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/L	7,2		
11	Coliform	MPN/100m L	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về công trình xử lý nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải từ nhà vệ sinh của Khu nhà bảo vệ => Bể tự hoại (kích thước 2,7x1,8x1,5m) => Đường ống HDPE D160 - 200mm => Công trình xử lý nước thải.

- Nguồn số 2: Nước thải từ nhà vệ sinh của Khu văn phòng => Bể tự hoại (kích thước 2,7x1,8x1,5m) => Đường ống HDPE D160 -200mm => Công trình xử lý nước thải.

- Nguồn số 3: Nước thải từ nhà vệ sinh của Khu phòng học 1,2,3 và phòng tin học => Bể tự hoại (kích thước 4,3x2,6x2,5m) => Đường ống HDPE D160-200mm => Công trình xử lý nước thải.

- Nguồn số 4: Nước thải từ nhà vệ sinh của Khu vực khối lớp học chính => Bể tự hoại (kích thước 4,3x2,6x2,5m) => Đường ống HDPE D160 -200mm => Công trình xử lý nước thải.

- Nguồn số 5: Nước thải từ nhà vệ sinh của Nhà đa năng => Bể tự hoại (kích thước 3,4x2,6x1,5m) => Đường ống HDPE D160 - 200mm => Công trình xử lý nước thải.

- Nguồn số 6: Nước thải từ bếp ăn và căn tin => Đường ống HDPE D160mm => Bể tách dầu mỡ (kích thước 3,8x1,4x1,6m) => Đường ống HDPE D160-200mm => Công trình xử lý nước thải.

- Nguồn số 7: Nước thải phát sinh từ phòng giặt => Đường ống HDPE D110mm => Hồ ga (kích thước 1x1x1,3m) => Công trình xử lý nước thải.

Nguồn số 8: Nước thải vệ sinh nhà chứa rác => Đường ống HDPE D110mm => Hồ ga (kích thước 1x1x1,3m) => Công trình xử lý nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà vệ sinh (sau bể tự hoại) + Nước thải từ bếp ăn, căn tin (sau bể tách dầu mỡ) + Nước thải từ phòng giặt + Nước thải vệ sinh phòng chứa rác => Hồ thu gom => Bể điều hòa => Bể sinh học SBR

=> Bể trung gian => Lọc áp lực => Bể khử trùng => Hồ ga (kích thước 1.600mm x 1.600mm) trên đường ĐH404.

- Công suất thiết kế: 60 m³/ngày.đêm

- Hóa chất sử dụng: chất dinh dưỡng (mật rỉ đường, chế phẩm sinh học), Chlorine (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, nếu nước thải sau xử lý không đáp ứng quy chuẩn cho phép thì Chủ dự án phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

+ Rà soát các công trình, thiết bị xử lý nước thải, quy trình vận hành công trình xử lý nước thải để xác định nguyên nhân gây ô nhiễm và đưa ra giải pháp khắc phục; cải tạo, nâng cấp, xây dựng bổ sung (nếu có) các công trình xử lý chất thải để đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định;

+ Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường, chủ dự án đầu tư phải dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm và báo cáo kịp thời tới cơ quan cấp giấy phép môi trường để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

+ Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải hoặc từng hạng mục công trình xử lý chất thải không đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải để vận hành lại. Trình tự, thủ tục, thời gian vận hành thử nghiệm lại công trình xử lý chất thải được thực hiện như vận hành thử nghiệm lần đầu.

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của công trình bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong công trình thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của công trình, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của công trình.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải trong việc tiếp nhận nước thải; đảm bảo vận hành công trình theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của công trình xử lý.

- Đối với sự cố tắc, bể đường ống thu gom nước thải: Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; trường hợp xảy ra sự cố bể đường ống thu gom nước thải, tiến hành khóa van khu vực xảy ra sự cố, sau đó bơm nước thải về bể điều hòa (*thể tích 30 m³*). Tiến hành thay thế đường ống mới, thông tắc đường ống; sau khi khắc phục sự cố, nước thải được bơm về công trình xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

- Đối với sự cố nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường: Đóng van xả nước thải; tuần hoàn nước thải về lại bể điều hòa để xử lý; trường hợp bể điều hòa không đảm bảo, tiến hành lưu chứa tại các bể khác tạm thời để gia tăng thời gian, trước khi tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn quy định. Trường hợp sự cố chưa được khắc phục trong ngày, Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường nước trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

- Báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 3 năm 2028 đến tháng 6 năm 2028.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí.

- Nước thải đầu vào công trình xử lý nước thải (tại bể điều hòa). Tọa độ: X (m) = 1.204.817; Y(m) = 605.117 (*Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiếu 3⁰*).

- Nước thải đầu ra sau công trình xử lý nước thải (sau bể khử trùng). Tọa độ: X (m) = 1.217.683; Y(m) = 605.114 (*Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiếu 3⁰*).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải.

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (*giai đoạn hiệu chỉnh do Chủ dự án tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý nước thải*).

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào tại bể điều hòa và 03 mẫu nước thải đầu ra sau bể khử trùng).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo phương án đầu nối, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

3.3. Xây dựng điểm quan trắc nước thải đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 8 Quy định Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, nếu nước thải sau xử lý không đáp ứng quy chuẩn cho phép xả thải thì Chủ dự án phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

+ Rà soát các công trình, thiết bị xử lý chất thải, quy trình vận hành công trình xử lý chất thải để xác định nguyên nhân gây ô nhiễm và đưa ra giải pháp khắc phục; cải tạo, nâng cấp, xây dựng bổ sung (nếu có) các công trình xử lý chất thải để đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định;

+ Thường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường, Chủ dự án đầu tư phải dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm và báo cáo kịp thời tới cơ quan cấp giấy phép môi trường để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

+ Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải hoặc từng hạng mục công trình xử lý chất thải không đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải để vận hành lại. Trình tự, thủ tục, thời gian vận hành thử nghiệm lại công trình xử lý chất thải được thực hiện như vận hành thử nghiệm lần đầu.

+ Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Tài nguyên

và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành công trình xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan: lưu lượng (*đầu vào, đầu ra*), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (*nếu có*); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải: Khí thải (mùi hôi) phát sinh từ hồ thu gom, bể điều hòa, bể sinh học SBR, bể trung gian của công trình xử lý nước thải.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1 Vị trí xả khí thải: Tại ống xả thải của công trình xử lý khí thải (mùi hôi) phát sinh từ hồ thu gom, bể điều hòa, bể sinh học SBR, bể trung gian của công trình xử lý nước thải. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1.217.666, Y = 605.135 (hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến 105°45', múi chiều 3°).

2.2 Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 1.000 m³/giờ.

2.2.1 Phương thức xả khí thải: Liên tục (24/24 giờ).

2.2.2 Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ, cột B, Kp=1, Kv=0,8 và QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ), cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	H ₂ S	mg/Nm ³	6	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).
2	NH ₃	mg/Nm ³	40		
3	CH ₃ SH	mg/Nm ³	15		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

Khí thải (*mùi hôi*) phát sinh từ hồ thu gom, bể điều hòa, bể sinh học SBR, bể trung gian của công trình xử lý nước thải có thành phần chủ yếu là H_2S , NH_3 , CH_3SH được thu gom bằng quạt hút (*công suất 1.000 m³/giờ*) qua các đường ống tôn mạ kẽm D400mm về công trình xử lý khí thải (*mùi hôi*).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (*mùi hôi*) => Hệ thống ống dẫn tôn mạ kẽm đường kính D400mm => Quạt hút (*lưu lượng 1.000 m³/giờ*) => Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính (*hình trụ, D1.000mm, chiều cao 1,8m*) => Ống thải (*ống CT3 D100mm, chiều cao 3m so với mặt đất*).

- Công suất thiết kế: 1.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính với khối lượng 312 kg/năm, tần suất thay than 06 lần/năm (02 tháng/lần).

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị xử lý khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc.

- Trường hợp các thông số ô nhiễm trong khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, cán bộ vận hành tiến hành kiểm tra tháp hấp phụ, quạt hút, theo quy trình vận hành hệ thống, kiểm tra toàn bộ hệ thống để tìm kiếm nguyên nhân và phạm vi sự cố để tiến hành xử lý.

- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố, phải thay thế, sửa chữa kịp thời hoặc trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để kiểm tra, khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1 Thời gian vận hành thử nghiệm: Cùng với thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (*dự kiến từ tháng 3 năm 2028 đến tháng 6 năm 2028*).

2.2 Công trình, thiết bị xả khí thải vận hành thử nghiệm:

2.2.1 Vị trí lấy mẫu: Tại ống thải sau công trình xử lý khí thải (*mùi hôi*) phát sinh từ công trình xử lý nước thải. Tọa độ: X = 1.217.666, Y = 605.135 (*hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến 105°45', múi chiều 3°*).

2.2.2 Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung mục 2.2.2 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải:

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (*giai đoạn hiệu chỉnh do Chủ dự án tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý khí thải*).

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (*đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn hoặc mẫu được lấy mẫu bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả thải ra môi trường của công trình xử lý bụi, khí thải*).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Xây dựng điểm quan trắc khí thải đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 9 của Quy định Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải. Việc vận hành hệ thống xử lý khí thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu của quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A phụ lục này và ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

3.7. Thực hiện các biện pháp kiểm soát nhằm giảm thiểu khí thải từ hoạt động thu gom, lưu giữ rác.

Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày ... tháng ... năm
2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 1: Khu vực công trình xử lý nước thải (từ máy thổi khí cấp khí cho bể SBR).
- Nguồn số 2: Khu vực nhà chứa máy phát điện dự phòng, công suất 25 kVA.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: tọa độ X=1.217.666, Y = 605.135
- Nguồn số 2: tọa độ X=1.217.685, Y = 605.267

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 18 giờ	Từ 18 giờ đến 6 giờ		
1	75	Mức nền	-	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; trồng cây xanh trong khuôn viên dự án để hạn chế tiếng ồn. Thiết kế hệ thống cách âm cho

phòng máy phát điện bằng vật liệu chống ồn, lắp đặt buồng tiêu âm cho máy phát điện, lắp đặt các ống bô giảm thanh cho máy phát.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy phát điện, máy thổi khí, máy bơm đặt trong nhà điều hành công trình xử lý nước thải lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thường xuyên bảo dưỡng, hiệu chuẩn các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4					
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG					
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày ... tháng ... năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)					
A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI					
1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:					
1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:					
Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Kí hiệu	Khối lượng dự kiến phát sinh (kg/năm)
1	Chất tẩy rửa có chứa các thành phần nguy hại	Lỏng	16 01 10	KS	24
2	Pin thải, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	NH	24
3	Thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện thải có linh kiện điện tử; đèn led	Rắn	16 01 13	NH	36
4	Bao bì mềm dính thành phần CTNH	Rắn	18 01 01	KS	12
5	Bao bì nhựa cứng dính thành phần CTNH	Rắn	18 01 03	KS	12
6	Giẻ lau dính dầu nhớt, dính thành phần CTNH	Rắn	18 02 01	KS	6
7	Than hoạt tính thải từ công trình xử lý khí thải (mùi hôi)	Rắn	19 12 03	KS	312
Tổng khối lượng					426
1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:					
Stt	Tên chất thải	Mã chất thải		Khối lượng chất thải (kg/năm)	
1	Bùn từ công trình xử lý nước thải	12 06 10		2.300	
2	Bùn từ bể tự hoại	-		100	
3	Dầu mỡ từ bể tách mỡ	12 06 11		1.062	

4	Hộp chứa mực in văn phòng	08 02 08	12
Tổng cộng			3.474

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khi Dự án đi vào hoạt động, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ giáo viên và học sinh của trường bao gồm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (*bao nilon, vỏ lon, thủy tinh, giấy vụn,...*); chất thải thực phẩm (*rau quả, thực phẩm thừa,...*), chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý với khối lượng phát sinh khoảng 1.131 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải: Trang bị 07 thùng chứa loại 60 – 150 lít có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa chất thải nguy hại: 5,9 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Tường gạch bao xung quanh; nền lát gạch, chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; được bố trí ở tầng 1 nên kín nắng, không bị mưa tạt; có biển cảnh báo; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (*như cát khô*)... theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Trang bị 01 thùng chứa màu cam loại 240 lít có nắp đậy để lưu chứa dầu, mỡ thải. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định; tần suất thu gom: 01 tuần/lần.

- Bùn thải từ công trình xử lý nước thải, bể tự hoại được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; tần suất thu gom: 06 tháng/lần.

- Hộp mực in văn phòng được nhà cung cấp thu gom về sau khi sử dụng.

2.2.2. Kho lưu chứa: Bố trí cùng kho chứa chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động nấu ăn tại phòng chứa rác diện tích 8,3m² (*kế bên kho lưu chứa chất thải nguy hại*).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1 Thiết bị lưu chứa: Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại và thu gom vào các thùng chứa riêng biệt, dung tích 08 – 240 lít.

2.3.2 Khu vực lưu chứa:

- Đối với rác thải sinh hoạt lưu chứa tại công trường học (*đơn vị chức năng thu gom vào cuối ngày, tần suất 01 lần/ngày*).

- Đối với rác thải từ hoạt động nấu ăn lưu chứa tại phòng chứa rác diện tích 8,3m² (*kế bên kho lưu chứa chất thải nguy hại*) và được thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định. Tần suất 01 lần/ngày.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Tường gạch bao xung quanh; nền lát gạch, chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Kho chứa được bố trí ở tầng 1 nên kín nắng, không bị mưa tạt; có dán nhãn phân biệt khu vực lưu chứa.

2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường chung đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- Xây dựng quy định quản lý trường học, hướng dẫn nhân viên thực hiện việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (*rác có khả năng tái sử dụng, tái chế; rác thải thực phẩm; rác thải phải xử lý, chất thải nguy hại*), trang bị các bao bì, thùng chứa (*dán nhãn theo từng loại rác thải*) phù hợp để lưu trữ các loại chất thải; vận chuyển đến kho lưu chứa chung.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại theo quy định.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Điều 33, 34, 36, 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân phường Tân Vĩnh Hiệp và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Tân Uyên theo quy định tại khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân phường Tân Vĩnh Hiệp về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường

để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân phường Tân Vĩnh Hiệp nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thành phố Tân Uyên để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy theo quy định.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

1. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình thi công, hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục công trình của Dự án.
4. Đối với khối lượng đất dôi dư cần vận chuyển ra ngoài dự án *(theo quy định về khoáng sản thì đây là loại khoáng sản làm vật liệu san lấp và phải được quản lý, cấp phép theo quy định)*, đề nghị liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục xin cấp phép theo quy định pháp luật về khoáng sản.
5. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép, số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.
6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai Giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
7. Cam kết đảm bảo hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án (hạ tầng giao thông, thoát nước, khu vực lưu giữ chất thải, các công trình xử lý chất thải,...) đáp ứng khi dự án đi vào hoạt động ổn định.
8. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.